

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2025/QĐST-DS

Quận G, ngày 21 tháng 4 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 695/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**[1]. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1962

Địa chỉ: C Khu phố B, phường P, Quận G, TP ..

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1958

(Giấy uỷ quyền Số công chứng 014091 Quyền số 11/2024.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/11/2024)

Địa chỉ: Số A U, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Minh T7, sinh năm 1984

2. Ông Nguyễn Minh T8, sinh năm 1995

Cùng địa chỉ: C Khu phố B, phường P, Quận G, TP ..

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nhâm Sỹ T, sinh năm 1937

Địa chỉ: Xóm chùa, T, Đ, Đ, Thái Bình

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nhâm Sỹ T:

1.1. Ông Nhâm Sỹ T1, sinh năm 1958

Địa chỉ: B Nhà E, Q, Hai Ba T2, H  
1.2. Ông Nhâm Sĩ S, sinh năm 1977  
Địa chỉ: 5 Tổ C, Khu phố G, thị trấn N, huyện N  
(Theo Hợp đồng ủy quyền Số công chứng 00012077, Quyền số 02/2024/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/11/2024 lập tại Văn phòng C1, Quận G, TP H)

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1939;  
Địa chỉ: Xóm chùa, T, Đ, Đ, Thái Bình.  
3. Công ty Cổ phần Đ  
Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Đ, KM E, Q, phường T, Thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Đại diện pháp luật: Bà Trương Tú P, chức vụ: Tổng giám đốc;  
4. Công ty Cổ phần T9;  
Địa chỉ trụ sở; Số A N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.  
Địa chỉ liên lạc: Số B H, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.  
Địa chỉ liên lạc của chi nhánh: số D T, Phường V, Thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

5. Công ty Cổ phần D  
Địa chỉ: Số B T, Phường C, Thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng  
(Nay là tách thành Công ty Cổ Phần D; Địa chỉ số A L, Phường C, Thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; Đại diện pháp luật; ông Phạm Lê T3, chức vụ; Chủ Tịch Hội đồng quản trị)

6. Công ty Cổ phần T10  
Địa chỉ: Số B Hòa Bình, Phường A, quận T, TP Hồ Chí Minh  
(Nay đổi thành Công ty Cổ phần T11; Địa chỉ: 5 Hòa Bình, Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).  
Địa chỉ liên lạc hiện nay: B đường H, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Công ty Đ1  
Địa chỉ: Số D N, phường B, Quận A, TP Hồ Chí Minh.  
8. Công ty Cổ phần Đ2  
Địa chỉ: Số 86 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 713 Huỳnh Tấn Phát, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Tp.HCM  
Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Tuấn T4, chức vụ: Tổng Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Tấn Q, sinh năm 1963.  
Địa chỉ: 4 H, phường T, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh

9. Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1985
  10. Trẻ Nguyễn Ngọc Minh C, sinh năm 2012
  11. Trẻ Nguyễn Hoàng B, sinh năm 2025
  12. Bà Trần Thị T5, sinh năm 1994
  13. Trẻ Nguyễn Minh H1, sinh năm 2019
  14. Trẻ Nguyễn Minh T6, sinh năm 2023
- Cùng địa chỉ: C Khu phố B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

**[2]. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể, như sau:**

***[2.1]. Các đương sự thống nhất về thừa kế thứ nhất của bà Nhân Thị N1, gồm:***

1. Ông Nguyễn Sỹ N2 - là cha ruột của bà Núi
2. Bà Nguyễn Thị Mão - là mẹ ruột của bà Núi
3. Ông Nguyễn Văn Khánh - chồng của bà Núi
4. Ông Nguyễn Minh Thái - là con ruột của bà Núi
5. Ông Nguyễn Minh Tiền - là con ruột của bà Núi

Bà Nhân Thị N3 không có cha mẹ nuôi, con riêng, con nuôi nào khác.

***[2.2]. Các đương sự thống nhất phần tài sản của bà Nhân Thị N1 để lại trong khối tài sản chung với ông Nguyễn Văn K, gồm có:***

**[2.2.1].** Quyền sử dụng đất và quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng góp vốn số 04B/BBGV-2007 ký ngày 30/10/2007 giữa Công ty Cổ phần Đ và Ông Nguyễn Văn K; về việc góp vốn mua nền đất thương mại tại Dự án mua nhà ở T, Quận B, TP . Hồ Chí Minh. Số lô: G42. Diện tích đất 105 m<sup>2</sup>. **Giá trị là 9.555.000.000 đồng** (khu đất có số lô: G42. Diện tích đất 105 m<sup>2</sup>, nay thuộc phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh)

**[2.2.2].** Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 1630-9, tờ bản đồ số: 02 PM, địa chỉ thửa đất: phường P, quận G, Tp.HCM theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số U 582956, sổ vào sổ cấp GCN số 00035 QSDĐ/35QĐH2004 do U cấp ngày 02/01/2004, cập nhật chuyển nhượng cuối cùng ngày 11/03/2015 do ông Nguyễn Văn K và bà Nhân Thị N1 đứng tên. Diện tích đất 168 m<sup>2</sup>. **Giá trị là 14.280.000.000 đồng.**

**[2.2.3].** Quyền sử dụng đất tại Lô A, đường L, ấp E, phường G, thị xã B, tỉnh Minh Hải (nay là Thành phố B, tỉnh Bạc Liêu) theo Giấy chứng nhận sử dụng đất trong diện Nhà nước quản lý số 270/CNUB do UBND thị xã B cấp ngày 07/04/1993 do bà Nhân Thị N1 đứng tên. Diện tích đất 250 m<sup>2</sup>. **Giá trị là 6.625.000.000 đồng.**



[2.2.4]. Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu căn hộ số: A1, tầng A, khối A, thuộc dự án Nhà ở xã hội Khu dân cư B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Hợp đồng mua bán căn hộ thương mại số 794/2016/HĐCNTM-NT ký ngày 10/11/2016 do bà Nhâm Thị N1 đứng tên. Diện tích căn hộ 55,8 m<sup>2</sup>. **Giá trị là 446.400.000 đồng.**

[2.2.5]. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 91, tờ bản đồ số 09, địa chỉ thửa đất: xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AL 175266, sổ vào sổ cấp GCN số H 01896 do UBND Huyện L cấp ngày 18/03/2008 do ông Nguyễn Văn K đứng tên. Diện tích đất 675 m<sup>2</sup>. **Giá trị là 434.250.000 đồng.**

[2.2.6]. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 92, tờ bản đồ số 09, địa chỉ thửa đất: xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AL 175267, sổ vào sổ cấp GCN số H 01897 do UBND Huyện L cấp ngày 18/03/2008 do ông Nguyễn Văn K đứng tên. Diện tích đất 1.920 m<sup>2</sup>. Giá trị là 864.000.000 đồng.

[2.2.7]. Cổ phần phổ thông: 21.266 (Hai mươi một nghìn hai trăm sáu mươi sáu) cổ phần phổ thông mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần của Công ty Cổ phần D (tỉnh Lâm Đồng) do Bà Nhâm Thị N1 đứng tên. **Giá trị là 212.660.000 đồng** (Nay là tách thành Công ty Cổ Phần D; Địa chỉ số A L, Phường C, Thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng)

[2.2.8]. Cổ phần phổ thông: 425 (Bốn trăm hai mươi lăm) cổ phần phổ thông mệnh giá 5.000 đồng/cổ phần (làm tròn số) của Công ty Cổ phần T12 (Thành phố Hồ Chí Minh) do bà Nhâm Thị N1 đứng tên. **Giá trị là 21.375.000 đồng** (Nay đổi thành Công ty Cổ phần T11; Địa chỉ: 5 Hòa Bình, Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

[2.2.9]. Cổ phần phổ thông: 500 (Năm trăm) cổ phần phổ thông mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần của Công ty Cổ phần Đ1 (Thành phố Hồ Chí Minh) do bà Nhâm Thị N1 đứng tên. **Giá trị là 1.550.000 đồng;**

[2.2.10]. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số: C G, khu phố B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 177602, sổ vào sổ cấp GCN số 00898/2006 do Ủy ban nhân dân Quận U cấp ngày 14/06/2006 do ông Nguyễn Văn K và bà Nhâm Thị N1 đứng tên. Diện tích đất 81,5 m<sup>2</sup>, tổng diện tích sử dụng 249,82 m<sup>2</sup>. **Giá trị là 7.219.496.000 đồng.**

[2.2.11]. Quyền sử dụng đất và quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng hợp tác đầu tư số K6-25/2017/HĐHT-ATU ký ngày 28/04/2017 giữa Công ty Cổ phần Đ2 và ông Nguyễn Văn K; về việc Đầu tư xây dựng Khu dân cư phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Mã nền: LK6-25. Diện tích đất



99,8 m<sup>2</sup>. **Giá trị là 6.986.000.000 đồng.**

[3]. Các bên đương sự thống nhất và đồng ý theo giá nguyên đơn ông Nguyễn Văn K đưa ra cho các tài sản tranh chấp tổng cộng là 46.645.731.000 đồng (Bốn mươi sáu tỷ sáu trăm bảy mươi triệu bảy trăm ba mươi một ngàn đồng) và không yêu cầu định giá lại các tài sản tranh chấp.

[4]. Các đương sự đồng ý và thống nhất các biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản tranh chấp do Tòa án tiến hành theo quy định.

[5]. Các đương sự đồng ý, thống nhất phương thức chia tài sản thừa kế đối với các tài sản bà Nhâm Thị N1 chết để lại được nêu tại mục [2.2], bao gồm từ mục [2.2.1] đến [2.2.11], như sau:

[5.1]. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K được quyền sở hữu và quyền định đoạt 50% các tài sản được nêu tại mục [2.2], bao gồm từ mục [2.2.1] đến [2.2.11] theo quy định pháp luật.

[5.2]. Quyền sở hữu và quyền định đoạt 50% còn lại của các tài sản được nêu tại mục [2.2], bao gồm từ mục [2.2.1] đến [2.2.11] thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Nhâm Thị N1 chết để lại, được chia thừa kế theo quy định pháp luật cho: Ông Nhâm Sỹ T và bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Minh T7, ông Nguyễn Minh T8 và ông Nguyễn Văn K.

[5.3]. Ông Nhâm Sỹ T và bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Minh T7, ông Nguyễn Minh T8 đồng ý giao toàn bộ các tài sản ông, bà được nhận thừa kế từ tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Nhâm Thị N1 chết để lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn K toàn quyền Quyền sở hữu và toàn quyền định đoạt

Và ông Nguyễn Minh T7, ông Nguyễn Minh T8, ông Nhâm Sỹ T, bà Nguyễn Thị M đồng ý nhận tiền mặt từ ông Nguyễn Văn K, cụ thể:

[5.3.1]. Ông Nhâm Sỹ T và bà Nguyễn Thị M đồng ý nhận số tiền tổng cộng là 5.000.000.000 đồng/2 người,

[5.3.2]. Ông Nguyễn Minh T7 đồng ý nhận số tiền là 4.664.573.100 đồng và ông Nguyễn Minh T8 số tiền là 4.664.573.100 đồng ( tức là 4.664.573.100 đồng/người thừa kế)

[5.4]. Ông Nguyễn Văn K đồng ý nhận toàn bộ các tài sản ông Nguyễn Minh T7, ông Nguyễn Minh T8, ông Nhâm Sỹ T, bà Nguyễn Thị M được nhận thừa kế từ tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Nhâm Thị N1 chết để lại, như đã nêu ở trên mục [5.2],

Ông Nguyễn Văn K đồng ý thanh toán cho ông Nhâm Sỹ T và bà Nguyễn Thị M số tiền tổng cộng là 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng)/2 người, trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật thi hành.

Sau khi nhận số tiền 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng) từ ông Nguyễn Văn K, ông Nhâm Sỹ T và bà Nguyễn Thị M cam kết không tranh chấp đối với tất cả tài sản thừa kế của bà Nhâm Thị N1 để lại.

Ông Nguyễn Văn K đồng ý thanh toán cho ông Nguyễn Minh T7 số tiền tổng cộng là 4.664.573.100 đồng và ông Nguyễn Minh T8 số tiền tổng cộng là 4.664.573.100 đồng (tức là số tiền 4.664.573.100 đồng/người), trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật thi hành.

Sau khi nhận số 4.664.573.100 đồng/người, từ ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn Minh T7, ông Nguyễn Minh T8 cam kết không tranh chấp đối với tất cả tài sản thừa kế của bà Nhâm Thị N1 để lại.

**[5.5].** Các đương sự thống nhất hạn cuối cùng ông Nguyễn Văn K thanh toán số tiền trên cho ông Nguyễn Minh T7, ông Nguyễn Minh T8, ông Nhâm Sỹ T, bà Nguyễn Thị M là ngày 30/10/2025,

Trường hợp ông Nguyễn Văn K đến hạn cuối cùng mà ông Nguyễn Văn K không thanh toán đủ và đúng hạn, thì ông Nhâm Sỹ T, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Minh T7, ông Nguyễn Minh T8 được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành phát mãi đấu giá các tài sản theo mục [2.2] như trên, trong đó bao gồm từ mục [2.2.1] đến [2.2.11] để thu hồi số tiền ông Nguyễn Văn K cam kết thanh toán cho ông Nguyễn Minh T7, ông Nguyễn Minh T8, ông Nhâm Sỹ T, bà Nguyễn Thị M tại mục [5.3.1] và [5.3.2].

Số tiền đấu giá phát mãi của các tài sản nêu trên từ mục [2.2.1] đến [2.2.11] nếu dư, thì trả lại cho ông Nguyễn Văn K, thiếu hoặc không đủ thì ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ phải tiếp tục thanh toán cho ông Nhâm Sỹ T, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Minh T7, ông Nguyễn Minh T8 cho đến khi đủ số tiền mà ông Nguyễn Minh T7, ông Nguyễn Minh T8, ông Nhâm Sỹ T, bà Nguyễn Thị M được nhận như trên.

Trường hợp tiếp tục chậm thanh toán, thì ông Nguyễn Văn K phải trả lãi đối với số tiền chậm thanh toán cho các ông bà theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thanh toán.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

**[6].** Sau khi đã thực hiện xong và đầy đủ nghĩa vụ thanh toán số tiền nêu trên cho các thừa kế ông Nguyễn Minh T7, ông Nguyễn Minh T8, ông Nhâm Sỹ T, bà Nguyễn Thị M, thì ông Nguyễn Văn K được toàn quyền định đoạt đối với phần tài sản được thuộc quyền sở hữu của bà Nhâm Thị N1 để lại như tại mục [5.2] đã nêu phần trên, gồm:

**[6.1].** Quyền sử dụng đất và quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng góp vốn số 04B/BBGV-2007 ký ngày 30/10/2007 giữa Công ty Cổ phần Đ và Ông Nguyễn Văn K; về việc góp vốn mua nền đất thương mại tại Dự án mua nhà



ở T, Quận B, TP . Hồ Chí Minh. Số lô: G42. Diện tích đất 105 m<sup>2</sup>(khu đất có số lô: G42. Diện tích đất 105 m<sup>2</sup>, nay thuộc phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh)

**[6.2].** Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 1630-9, tờ bản đồ số: 02 PM, địa chỉ thửa đất: phường P, quận G, Tp.HCM theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số U 582956, số vào sổ cấp GCN số 00035 QSDĐ/35QĐH2004 do U cấp ngày 02/01/2004, cập nhật chuyển nhượng cuối cùng ngày 11/03/2015 do ông Nguyễn Văn K và bà Nhâm Thị N1 đứng tên. Diện tích đất 168 m<sup>2</sup>.

**[6.3].** Quyền sử dụng đất tại Lô A, đường L, ấp E, phường G, thị xã B, tỉnh Minh Hải (nay là Thành phố B, tỉnh Bạc Liêu) theo Giấy chứng nhận sử dụng đất trong diện Nhà nước quản lý số 270/CNUB do UBND thị xã B cấp ngày 07/04/1993 do bà Nhâm Thị N1 đứng tên. Diện tích đất 250 m<sup>2</sup>.

**[6.4].** Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu căn hộ số: A1, tầng A, khối A, thuộc dự án Nhà ở xã hội Khu dân cư B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Hợp đồng mua bán căn hộ thương mại số 794/2016/HĐCNTM-NT ký ngày 10/11/2016 do bà Nhâm Thị N1 đứng tên. Diện tích căn hộ 55,8 m<sup>2</sup>.

**[6.5].** Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 91, tờ bản đồ số 09, địa chỉ thửa đất: xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AL 175266, số vào sổ cấp GCN số H 01896 do UBND Huyện L cấp ngày 18/03/2008 do ông Nguyễn Văn K đứng tên. Diện tích đất 675 m<sup>2</sup>.

**[6.6].** Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 92, tờ bản đồ số 09, địa chỉ thửa đất: xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AL 175267, số vào sổ cấp GCN số H 01897 do UBND Huyện L cấp ngày 18/03/2008 do ông Nguyễn Văn K đứng tên. Diện tích đất 1.920 m<sup>2</sup>.

**[6.7].** Cổ phần phổ thông: 21.266 (Hai mươi một nghìn hai trăm sáu mươi sáu) cổ phần phổ thông mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần của Công ty Cổ phần D (tỉnh Lâm Đồng) do Bà Nhâm Thị N1 đứng tên (Nay là tách thành Công ty Cổ Phần D; Địa chỉ số A L, Phường C, Thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng).

**[6.8].** Cổ phần phổ thông: 425 (Bốn trăm hai mươi lăm) cổ phần phổ thông mệnh giá 5.000 đồng/cổ phần (làm tròn số) của Công ty Cổ phần T12 (Thành phố Hồ Chí Minh) do bà Nhâm Thị N1 đứng tên. (Nay đổi thành Công ty Cổ phần T11; Địa chỉ: 5 Hòa Bình, Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

**[6.9].** Cổ phần phổ thông: 500 (Năm trăm) cổ phần phổ thông mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần của Công ty Cổ phần Đ1 (Thành phố Hồ Chí Minh) do bà Nhâm Thị N1 đứng tên.

**[6.10].** Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số: C G, khu phố B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 177602, số vào sổ cấp



GCN số 00898/2006 do Ủy ban nhân dân Quận U cấp ngày 14/06/2006 do ông Nguyễn Văn K và bà Nhâm Thị N1 đứng tên. Diện tích đất 81,5 m<sup>2</sup>, tổng diện tích sử dụng 249,82 m<sup>2</sup>.

**[6.11].** Quyền sử dụng đất và quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng hợp tác đầu tư số K6-25/2017/HĐHT-ATU ký ngày 28/04/2017 giữa Công ty Cổ phần Đ2 và ông Nguyễn Văn K; về việc Đầu tư xây dựng Khu dân cư phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Mã nền: LK6-25. Diện tích đất 99,8 m<sup>2</sup>.

**[7].** Sau khi ông Nguyễn Văn K đã thanh toán xong và đầy đủ khoản tiền cho ông Nguyễn Minh T7, ông Nguyễn Minh T8: Ông Nguyễn Minh T7, bà Nguyễn Thị Bích N, Trẻ Nguyễn Ngọc Minh C, sinh năm 2012; Trẻ Nguyễn Hoàng B, sinh năm 2025 (có ông Nguyễn Minh T7 và Bà Nguyễn Thị Bích N là giám hộ) và Nguyễn Minh T8, Bà Trần Thị T5, Trẻ Nguyễn Minh H1, sinh năm 2019, Trẻ Nguyễn Minh T6, sinh năm 2023 (có ông Nguyễn Minh T8, bà Trần Thị T5 là giám hộ) có trách nhiệm phải bàn giao tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số: C G, khu phố B, phường P, quận G, Tp.HCM theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 177602, sổ vào sổ cấp GCN số 00898/2006 do U cấp ngày 14/06/2006 do ông Nguyễn Văn K và bà Nhâm Thị N1 đứng tên, cho ông Nguyễn Văn K được toàn quyền định đoạt.

Thời hạn cuối cùng các bên yêu cầu giao nhận tài sản Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số: C G, khu phố B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 177602, sổ vào sổ cấp GCN số 00898/2006 do U cấp ngày 14/06/2006 do ông Nguyễn Văn K và bà Nhâm Thị N1 đứng tên, cho ông Nguyễn Văn K là ngày 30/10/2025.

**[8].** Ông Nguyễn Văn K được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để cập nhật biến động hoặc làm các thủ tục pháp lý theo quy định pháp luật để sang tên chủ quyền sở hữu đối với các tài sản theo mục [2.2], bao gồm từ mục [2.2.1] đến [2.2.11]

**[9].** Giao quyền quyết định và định đoạt đối với các tài sản chưa có giấy tờ hợp pháp hợp lệ theo quy định pháp luật cho ông Nguyễn Văn K, khi có liên quan đến các tài sản chưa có giấy tờ hợp pháp hợp lệ theo quy định pháp luật ông Nguyễn Văn K được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của ông đối với các tài sản nêu trên theo mục [2.2], bao gồm từ mục [2.2.1] đến [2.2.11]

**[10].** Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K đã tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản nêu trên theo mục [2.2], bao gồm từ mục [2.2.1] đến [2.2.11] tổng cộng là 85.000.000 đồng, theo các phiếu thu: Số 186 ngày 27/11/2024, Số 187 ngày 27/11/2024, Số 188 ngày

27/11/2024, Số 189 ngày 27/11/2024, Số 202 ngày 06/12/2024, Số 224 ngày 07/01/2025, Số 230 ngày 15/01/2025, Số 231 ngày 15/01/2025 của Tòa án nhân dân Quận 7,

Các đương sự thống nhất hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn K số tiền 8.500.000 đồng/người: Bao gồm ông Nhâm Sỹ T, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Minh T7, ông Nguyễn Minh T8.

Các đương sự thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

**[11].** Về án phí dân sự sơ thẩm: Do các bên hòa giải thành, nên án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu là:

**[11.1].** Ông Nguyễn Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 67.993.719 đồng.

Căn cứ theo điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009, ông Nguyễn Văn K được miễn tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm d Điều 12, Điều 14, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn K

**[11.2].** Ông Nhâm Sỹ T, bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 56.000.000 đồng/2 người.

Căn cứ theo điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009, ông Nhâm Sỹ T, bà Nguyễn Thị M được miễn tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm d Điều 12, Điều 14, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho Ông Nhâm Sỹ T, bà Nguyễn Thị M.

**[11.3].** Ông Nguyễn Minh T7 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 56.332.287 đồng.

**[11.4].** Ông Nguyễn Minh T8 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 56.332.287 đồng.

Các đương sự thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

**[12].** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**[13].** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

- *Nơi nhận:*
- - Đương sự ;
- - VKSND Quận 7 ;
- - Lưu hồ sơ vụ án (Loan).

**THẨM PHÁN**

**Trương Như Thủy**